

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
				10%					30%	60%	100%		
					1 1								
1	1913111545	Nguyễn Đắc Quốc An	N19TPM1	0	0	0			0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
2	1913111549	Lưu Thanh Bình	N19TPM1	0	0	0			0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
3	1913111555	Phạm Sỹ Hải	N19TPM1	7	6	6			6.0	V	0.0	Không	
4	1913111557	Nguyễn Văn Hòa	N19TPM1	7.5	6.5	6.5			6.5	6.5	6.6	Sáu phẩy Sáu	
5	1913111558	Nguyễn Minh Hoàng	N19TPM1	6	6	6			6.0	8.0	7.2	Bảy phẩy Hai	
6	1913111561	Trương Văn Huy	N19TPM1	8.5	7	7			7.0	8.5	8.1	Tám phẩy Một	
7	1913111563	Nguyễn Văn Huy	N19TPM1	7	7	7			7.0	8.5	7.9	Bảy phẩy Chín	
8	1913111564	Lê Quang Khánh	N19TPM1	7.5	6.5	7.5			7.0	7.5	7.4	Bảy phẩy Bốn	
9	1913111566	Nguyễn Viết Hồng Linh	N19TPM1	5	5	5			5.0	6.5	5.9	Năm phẩy Chín	
10	1913111567	Ngô Quý Lộc	N19TPM1	0	0	0			0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
11	1913111568	Huỳnh Công Long	N19TPM1	2	0	0			0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
12	1913111570	Trần Hoài Nam	N19TPM1	7.5	6.5	7.5			7.0	7.5	7.4	Bảy phẩy Bốn	
13	1913111571	Trần Văn Nghiêm	N19TPM1	10	9	9			9.0	9.5	9.4	Chín phẩy Bốn	
14	1813119409	Trần Văn Nhựt	N19TPM1	8.5	7	8			7.5	9.0	8.5	Tám phẩy Năm	
15	1913111575	Dương Anh Phi	N19TPM1	10	9	9			9.0	9.5	9.4	Chín phẩy Bốn	
16	1913111577	Lê Văn Phú	N19TPM1	9	9	9			9.0	9.0	9.0	Chín	
17	1913111578	Lê Đoàn Minh Phúc	N19TPM1	8	7.5	6.5			7.0	8.5	8.0	Tám	
18	1913111580	Phạm Văn Phước	N19TPM1	5	5	5			5.0	V	0.0	Không	
19	1913111585	Trương Xuân Sơn	N19TPM1	8	5.5	6.5			6.0	8.5	7.7	Bảy phẩy Bảy	
20	1913111587	Trương Hoài Tâm	N19TPM1	7.5	5.5	6.5			6.0	8.0	7.4	Bảy phẩy Bốn	
21	1813119453	Phan Thảo	N19TPM1	0	0	0			0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
22	1913111590	Nguyễn Mạnh Tiến	N19TPM1	9	9	9			9.0	9.5	9.3	Chín phẩy Ba	
23	1912111594	Nguyễn Thị Xuân Trang	N19TPM1	10	8.5	8.5			8.5	6.5	7.5	Bảy phẩy Năm	
24	1913111595	Huỳnh Kim Trọng	N19TPM1	10	9	9			9.0	9.5	9.4	Chín phẩy Bốn	
25	1913111597	Nguyễn Thái Trường	N19TPM1	0	0	0			0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
26	1913111599	Huỳnh Văn Thanh Tuấn	N19TPM1	10	9	9			9.0	8.5	8.8	Tám phẩy Tám	
27	1913111600	Lê Trung Tuyển	N19TPM1	8.5	9	9			9.0	9.5	9.3	Chín phẩy Ba	
28	1913111602	Nguyễn Thành Vinh	N19TPM1	8	7.5	7.5			7.5	8.0	7.9	Bảy phẩy Chín	
29	1913111606	Huỳnh Ngọc Vỹ	N19TPM1	8	7	8			7.5	8.0	7.9	Bảy phẩy Chín	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	21	72%	
2	Số sinh viên nợ	8	28%	
TỔNG CỘNG :		29	100%	

Đà Nẵng, ngày 23 tháng 12 năm 2015

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Phượng

ThS. Nguyễn Ân